Contact:

1. List Contact

* UC hiển thị thông tin các Contact trên screen (Display\_Contacts)
* UC cho phép “in – active” contact (Inactive\_Contact)
* UC search contact (Search\_Contact)
* UC select contact (Select\_Contact)



Mô tả chi tiết UC

* Search\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Search Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Cho phép actor tìm kiếm một hoặc nhiều danh bạ theo từ khóa nhập vào trên cửa sổ “List Contact” |
| Goal | Đưa ra các kết quả tìm kiếm |
| Pre-condition | * Actor đăng nhập thành công vào hệ thống * Actor vào thành công chức năng “List Contact” của hệ thống |
| Trigger | Actor click vào nút “Search” trên cửa sổ “List Contact” |
| Post-condition | Hiển thị một (hoặc nhiều) contact có từ khóa mà actor đã nhập |
| Normal Flow | [Actor login và vào thành công chức năng “List Contact”]   1. Actor login vào hệ thống 2. Actor chọn chức năng “List Contact” trên màn hình chính 3. Actor nhập các từ khóa tìm kiếm vào hai ô “first name” và “surname” 4. Actor click “Search” |
| Alternative Flow | [Actor chưa nhập vào từ khóa tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “insert the key please!” 2. Đưa con trỏ trở lại ô nhập key |
| Exception Flow | [Không tìm được contact như yêu cầu]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình ban đầu |

* Display\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Display Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Đưa ra danh sách các contact và các thông tin của các contact |
| Goal | Hiển thị contacts & infor’s contacts trên màn hình |
| Pre-condition | Actor thực hiện search thành công |
| Trigger |  |
| Post-condition | Hiển thị các contact như thông tin actor tìm kiếm |
| Normal Flow | [Tìm kiếm thành công]   1. Actor tìm kiếm 2. Hiển thị kết quả tìm kiếm |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Tìm kiếm không có kết quả]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình ban đầu |

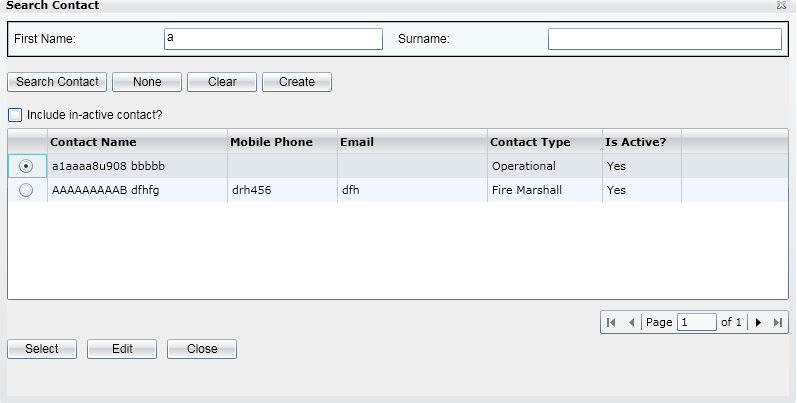
* Seclect\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” |

* Inactive\_Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | In-active Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn in-active một danh bạ trong list |
| Goal | Thực hiện in-active contact thành công |
| Pre-condition | Actor select một contact thành công |
| Trigger | Actor click vào ô check box “in – active” |
| Post-condition | Trở về màn hình với contact đã được in – active |
| Normal Flow | [in-active thành công]   1. Actor select một contact trong list hiển thị 2. Actor click vào ô check box “in – active” 3. Đưa ra message “Do you want to in – active this contact” với hai button yes & no 4. Actor click “yes” 5. Thực hiện in-active |
| Alternative Flow | [Actor chưa chọn contact]   1. Đưa ra message “please select a contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Quay trở lại màn hình |
| Exception Flow | [Không thể in-active contact]   1. Đưa ra message “Can’t in-active this contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Quay trở lại màn hình |

Giao diện dự kiến



1. Add Contact

* UC kiểm tra các trường bắt buộc
* UC set Manager Name
* UC lấy Contact Type từ CSDL
* UC lấy Best Contact Method từ CSDL
* UC check “is active”
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Kiểm tra các trường bắt buộc

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Check Fields Constrained |
| Actors | Super Actor |
| Description | Kiểm tra xem actor đã điền đủ các trường bắt buộc chưa |
| Goal | Cho phép tiếp tục hoặc quay lại |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “Create” thành công |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được lưu vào CSDL |
| Normal Flow | [Contact được add thành công]   1. Actor chọn “create” trên màn hình “List Contact” 2. Hiển thị window với các trường cần nhập 3. Actor điền các trường 4. Actor click “save” |
| Alternative Flow | [Actor điền thiếu trường bắt buộc]   1. Đưa messgage “Please insert to fields constrained” 2. Trở về màn hình trước đó |
| Exception Flow | [Contact đã tồn tại]   1. Đưa message “contact existed” 2. Trở về màn hình trước đó |

* Set Manager Name

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Set Manager Name |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add manager name vào trường được yêu cầu |
| Goal | Add thành công manager name |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào button “lookup” |
| Post-condition | Điền manager name vào trường Manager Name |
| Normal Flow | [Set tên thành công]   1. Actor click “lookup” 2. Show 1 pop – up window của search contact 3. Actor search contact 4. Actor click vào contact muốn chọn 5. Actor click vào button “OK” |
| Alternative Flow | [Không nhập key tìm kiếm]   1. Đưa message “Please insert the key” 2. Về màn hình search |
| Exception Flow | [Không có contact được tìm kiếm]   1. Đưa message “There is no contact” 2. Về màn hình search |

* Get Contact Type

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Contact Type |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Contact Type vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công contact type |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào trường “contact type” |
| Post-condition | Hiển thị contact type vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công contact type]   1. Actor click vào trường “contact type” 2. Select box sổ xuống các type có sẵn 3. Actor chọn một type |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Get Best Contact Method

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Best Contact Method |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Best Contact Method vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công best contact method |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào trường “Best Contact Method” |
| Post-condition | Hiển thị best contact method vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công best contact method]   1. Actor click vào trường “best contact method” 2. Select box sổ xuống các method có sẵn 3. Actor chọn một method |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

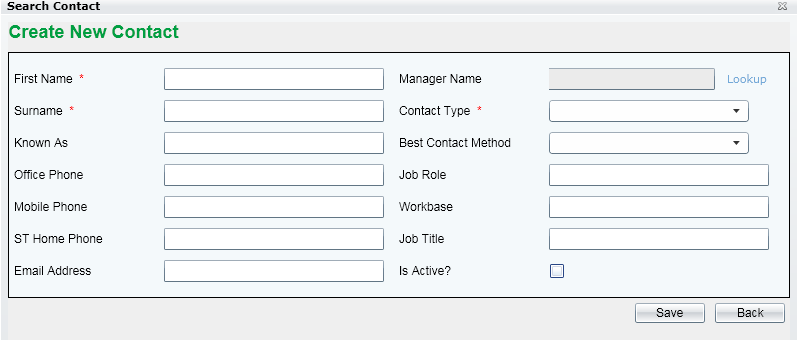
* Check “is active”

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Active |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn active hoặc không của contact |
| Goal | Gắn active cho contact thành công |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “create” thành công |
| Trigger | Actor click vào check box “active” |
| Post-condition | Contact được gắn đã active |
| Normal Flow | [active thành công contact]   1. Actor click vào check box “active” 2. Đưa message “Do you want to active this contact” với 2 button “yes” và “no” |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện lưu contact mới được add vào cơ sở dữ liệu |
| Goal | Lưu thành công contact vào cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “create” |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được add vào CSDL |
| Normal Flow | [add thành công contact]   1. Actor click “save” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống ghi contact vào bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor nhập thiếu trường cần điền]   1. Đưa message “Please insert to fields constrained” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình nhập |
| Exception Flow | [contact đã tồn tại trong csdl]   1. Đưa message “This contact existed” với button “OK” 2. Về màn hình nhập |

Giao diện dự kiến



1. Edit Contact

* UC chọn contact
* UC kiểm tra các trường bắt buộc
* UC set Manager Name
* UC lấy Contact Type từ CSDL
* UC lấy Best Contact Method từ CSDL
* UC check “is active”
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Select một contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Về màn hình trước đó |

* Kiểm tra các trường bắt buộc

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Check Fields Constrained |
| Actors | Super Actor |
| Description | Kiểm tra xem actor đã điền đủ các trường bắt buộc chưa |
| Goal | Cho phép tiếp tục hoặc quay lại |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được lưu vào CSDL |
| Normal Flow | [Contact được edit thành công]   1. Actor chọn “create” trên màn hình “List Contact” 2. Hiển thị window với các trường cần nhập 3. Actor điền các trường 4. Actor click “save” |
| Alternative Flow | [Actor điền thiếu trường bắt buộc]   1. Đưa messgage “Please insert to fields constrained” 2. Trở về màn hình trước đó |
| Exception Flow | [Contact đã tồn tại]   1. Đưa message “contact existed” 2. Trở về màn hình trước đó |

* Set Manager Name

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Set Manager Name |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add manager name vào trường được yêu cầu |
| Goal | Add thành công manager name |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào button “lookup” |
| Post-condition | Điền manager name vào trường Manager Name |
| Normal Flow | [Set tên thành công]   1. Actor click “lookup” 2. Show 1 pop – up window của search contact 3. Actor search contact 4. Actor click vào contact muốn chọn 5. Actor click vào button “OK” |
| Alternative Flow | [Không nhập key tìm kiếm]   1. Đưa message “Please insert the key” 2. Về màn hình search |
| Exception Flow | [Không có contact được tìm kiếm]   1. Đưa message “There is no contact” 2. Về màn hình search |

* Get Contact Type

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Contact Type |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Contact Type vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công contact type |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào trường “contact type” |
| Post-condition | Hiển thị contact type vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công contact type]   1. Actor click vào trường “contact type” 2. Select box sổ xuống các type có sẵn 3. Actor chọn một type |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Get Best Contact Method

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Get Best Contact Method |
| Actors | Super Actor |
| Description | Add Best Contact Method vào trường được yêu cầu |
| Goal | Điền thành công best contact method |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào trường “Best Contact Method” |
| Post-condition | Hiển thị best contact method vào trường cần điền |
| Normal Flow | [add thành công best contact method]   1. Actor click vào trường “best contact method” 2. Select box sổ xuống các method có sẵn 3. Actor chọn một method |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Check “is active”

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Active |
| Actors | Super Actor |
| Description | Cho phép actor chọn active hoặc không của contact |
| Goal | Gắn active cho contact thành công |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select 1 contact 3. Actor chọn chức năng edit contact |
| Trigger | Actor click vào check box “active” |
| Post-condition | Contact được gắn đã active |
| Normal Flow | [active thành công contact]   1. Actor click vào check box “active” 2. Đưa message “Do you want to active this contact” với 2 button “yes” và “no” |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện lưu contact mới được edit vào cơ sở dữ liệu |
| Goal | Lưu thành công contact vào cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “edit” |
| Trigger | Actor click “save” |
| Post-condition | Contact được add vào CSDL |
| Normal Flow | [add thành công contact]   1. Actor click “save” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống ghi contact vào bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor nhập thiếu trường cần điền]   1. Đưa message “Please insert to fields constrained” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình nhập |
| Exception Flow | [contact đã tồn tại trong csdl]   1. Đưa message “This contact existed” với button “OK” 2. Về màn hình nhập |

1. Delete Contact

* Select contact
* UC delete contact
* UC cập nhật lại CSDL



Mô tả UC

* Select Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Về màn hình trước đó |

* Delete Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Delete |
| Actors | Super actor |
| Description | Cho phép actor xóa contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Goal | Xóa thành công contact |
| Pre-condition | 1. Contact đã tồn tại trong csdl 2. Actor đã select contact |
| Trigger | Actor click “delete” button |
| Post-condition | 1. Đưa message “Delete successfully” 2. Về màn hình trước đó |
| Normal Flow | [Xóa thành công]   1. Actor chọn contact muốn xóa 2. Actor click “delete” 3. Hệ thống đưa message “Do you want to delete this contact” với 2 button “yes” và “no” 4. Actor click “yes” 5. Hệ thống đưa message “Delete successfully” |
| Alternative Flow | [Chưa chọn contact muốn xóa]   1. Đưa message “Please select a contact” với button “OK” 2. Về màn hình list contact |
| Exception Flow |  |

* Update Database

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Update Database |
| Actors | Super Actor |
| Description | Thực hiện xóa contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Goal | Xóa thành công contact khỏi cơ sở dữ liệu |
| Pre-condition | Actor thực hiện được chức năng “delete contact” |
| Trigger | Actor click “Yes” |
| Post-condition | Contact được xóa khỏi CSDL |
| Normal Flow | [xóa thành công contact]   1. Actor click “yes” 2. Hệ thống kiểm tra contact 3. Hệ thống xóa contact khỏi bảng csdl |
| Alternative Flow | [actor chưa chọn contact muốn xóa]   1. Đưa message “Please select a contact” với button “OK” 2. Actor click “OK” 3. Về màn hình list contact |
| Exception Flow |  |

1. Gửi Email tới một Contact

* UC chọn contact muốn gửi email
* UC hiển thị màn hình soạn thảo email
* UC gửi email



Mô tả UC

* Select Contact

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Select Contact |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Nhấn mạnh contact mà actor chọn |
| Goal | Bôi đậm dòng contact mà actor chọn, làm nổi các thông tin của contact |
| Pre-condition | Actor search thành công và hệ thống hiển thị list contact sau khi search |
| Trigger | Actor click vào dòng có contact muốn xem |
| Post-condition | Các thông tin của contact mà actor chọn được bôi đậm và nổi lên trên các dòng khác |
| Normal Flow | 1. Actor click vào dòng có contact muốn xem 2. Hệ thống thực hiện làm nổi dòng contact đó |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow | [Không có kết quả tìm kiếm]   1. Đưa ra message thông báo “there is no contact” 2. Trở về màn hình search |

* Display text box

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Display text box |
| Actors | Super Actor, Normal Actor |
| Description | Cho phép actor viết email |
| Goal | Hiển thị các trường: to, cc, subject, content |
| Pre-condition | 1. Actor tìm kiếm contact 2. Actor select một contact 3. Actor click “send email” |
| Trigger | Actor click “send email” |
| Post-condition | Actor viết vào các trường |
| Normal Flow | [hiển thị thành công]   1. Actor chọn 1 contact 2. Click “send email” 3. Hệ thống show pop – up window với các trường như trên |
| Alternative Flow |  |
| Exception Flow |  |

* Send email

|  |  |
| --- | --- |
| Name | Send Email |
| Actors | Super actor, normal actor |
| Description | Thực hiện gửi email đến contact |
| Goal | Email được gửi đến contact |
| Pre-condition | Actor chọn chức năng “send email”  Actor điền đủ các trường |
| Trigger | Actor click “send” |
| Post-condition | Message “Your email have been sent” |
| Normal Flow | [gửi thành công]   1. Actor click “send” 2. Hệ thống thực hiện gửi email vào hộp thư của contact 3. Thông báo “Your email have been sent” với button “OK” 4. Actor click “OK” 5. Về màn hình trước đó |
| Alternative Flow | [actor chưa viết subject]   1. Đưa message “Do you want send this email without subject” với 2 button “yes” và “no” 2. Actor click “yes” -> gửi email 3. Actor click “no” -> đưa con trỏ vào text box “subject”   [actor chưa viết nội dung email]   1. Đưa message “Do you want send this email without content” với 2 button “yes” và “no” 2. Actor click “yes” -> gửi email 3. Actor click “no” -> đưa con trỏ vào text box “content” |
| Exception Flow | [không gửi được email]   1. Đưa message “System is overload, try again late” với button “OK” 2. Actor click “OK”   Về màn hình trước đó |